

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc giữa niên độ	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét giữa niên độ	06 - 33
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc độc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 0494/QĐ-BTM ngày 26/03/2007 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sáu) ngày 22/04/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Duy Huynh	Chủ tịch	
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2017)
Ông Trương Minh Long	Thành viên	
Ông Hồ Phi Hiệp	Thành viên	
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 01/04/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trương Minh Long	Tổng Giám đốc
Ông: Lương Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà: Văn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Phạm Thị Thanh Bình	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 03 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

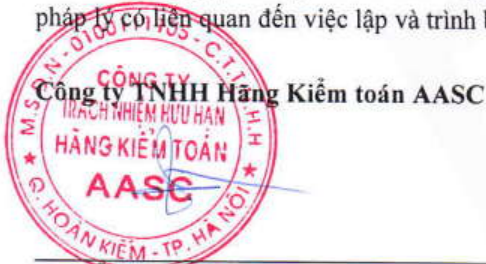
### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>199.827.662.472</b>	<b>235.164.311.947</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>37.680.911.877</b>	<b>44.837.977.177</b>
111	1. Tiền		30.680.911.877	27.769.727.177
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	17.068.250.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>72.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		72.620.269.116	106.620.269.116
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.769.306.894</b>	<b>81.840.983.172</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.156.079.191	27.333.126.052
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.776.851.834	10.057.690.834
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	39.000.000.000	39.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.070.752.526	5.684.542.943
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(234.376.657)	(234.376.657)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>2.605.142.201</b>	<b>1.785.043.398</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.605.142.201	1.785.043.398
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>152.032.384</b>	<b>80.039.084</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		152.032.384	80.039.084

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>117.141.130.350</b>	<b>97.569.570.177</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>20.088.050.565</b>	<b>20.943.902.693</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.351.181.522	11.194.228.738
222	- Nguyên giá		23.415.326.068	23.893.807.886
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.064.144.546)	(12.699.579.148)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.736.869.043	9.749.673.955
228	- Nguyên giá		9.911.978.000	9.911.978.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(175.108.957)	(162.304.045)
250	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>96.876.644.598</b>	<b>76.394.951.698</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		17.947.700.000	17.947.700.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		28.576.942.740	28.576.942.740
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.808.434.258	30.808.434.258
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(456.432.400)	(938.125.300)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>176.435.187</b>	<b>230.715.786</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	176.435.187	230.715.786
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>316.968.792.822</b>	<b>332.733.882.124</b>


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.513.219.213</b>	<b>47.258.341.705</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>43.778.969.613</b>	<b>46.524.092.105</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	17.422.305.189	19.802.556.254
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.078.095.023	2.116.127.331
314	3. Phải trả người lao động		12.214.650.412	14.010.973.862
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.375.094.780	2.496.912.840
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	114.411.232	33.615.082
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.574.412.977	8.063.906.736
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>734.249.600</b>	<b>734.249.600</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	734.249.600	734.249.600
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>272.455.573.609</b>	<b>285.475.540.419</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>272.455.573.609</b>	<b>285.475.540.419</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		255.000.000.000	255.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.319.379.649	30.339.346.459
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		2.170.340.218	3.649.284.048
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.149.039.431	26.690.062.411
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>316.968.792.822</b>	<b>332.733.882.124</b>

  
Nguyễn Thị Kim Nguyệt  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2017





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	83.845.880.534	108.752.618.199
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.845.880.534	108.752.618.199
11	3. Giá vốn hàng bán	21	75.512.702.986	99.440.887.452
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.333.177.548	9.311.730.747
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	14.235.031.515	13.511.617.106
22	6. Chi phí tài chính	23	(297.635.972)	16.074.328
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.764.949.853	5.800.261.177
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.100.895.182	17.007.012.348
31	9. Thu nhập khác	25	98.186.822	19.693.455
40	10. Lợi nhuận khác		98.186.822	19.693.455
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.199.082.004	17.026.705.803
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.050.042.573	1.934.654.644
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15.149.039.431</u>	<u>15.092.051.159</u>

  
Nguyễn Thị Kim Nguyệt  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2017	năm 2016
			VND	VND
	<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>17.199.082.004</b>	<b>17.026.705.803</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(14.025.628.927)</b>	<b>(12.838.622.318)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		671.935.690	685.559.130
03	- Các khoản dự phòng		(481.692.900)	(186.974.466)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		30.242.643	35.776.802
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.246.114.360)	(13.372.983.784)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.173.453.077</b>	<b>4.188.083.485</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(265.569.645)	18.361.561.051
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(820.098.803)	(1.785.043.398)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.788.064.700)	(9.429.479.055)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		54.280.599	34.579.869
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.529.906.606)	(2.184.962.693)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	18.500.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(158.500.000)	(948.583.500)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5.334.406.078)</b>	<b>8.254.655.759</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		197.000.000	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		72.000.000.000	26.826.206.908
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.498.283.421	5.297.729.205
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>23.695.283.421</b>	<b>(17.876.063.887)</b>


## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(25.487.700.000)	(20.393.360.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.487.700.000)	(20.393.360.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.126.822.657)	(30.014.768.128)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.837.977.177	51.847.674.901
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(30.242.643)	(53.127.628)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>37.680.911.877</u>	<u>21.779.779.145</u>

  
Nguyễn Thị Kim Nguyệt  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 0494/QĐ-BTM ngày 26/03/2007 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sáu) ngày 22/04/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: 255.000.000.000 đồng; tương đương 25.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Giao nhận, kho vận ngoại thương.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ:

- Giao nhận vận tải hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, siêu trường, siêu trọng, đồ dùng cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, tài liệu chứng từ bằng các đường hàng không, đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ trong và ngoài nước;
- Đại lý và tổng đại lý cho các hãng hàng không các dịch vụ vận tải hàng không và hành khách. Môi giới thuê và cho thuê tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu các loại hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Thực hiện dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thông tin thị trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh;
- Bốc xếp hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy và nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Một số dự án lớn của khách hàng đã kết thúc trong năm 2016, ảnh hưởng đến Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TM số 20) của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, giảm tương ứng 22,9%.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Dung Quất  
Chi nhánh Cần Thơ  
Chi nhánh Hà Nội  
Chi nhánh Hải Phòng  
Chi nhánh Quảng Ninh

##### Địa chỉ

Quảng Ngãi  
Cần Thơ  
Hà Nội  
Hải Phòng  
Quảng Ninh

##### Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ vận tải đa phương thức  
Dịch vụ vận tải đa phương thức  
Dịch vụ vận tải đa phương thức  
Dịch vụ vận tải đa phương thức  
Dịch vụ vận tải đa phương thức

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được

giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công ty là các chi phí thực hiện hợp đồng chưa được nghiệm thu ghi nhận doanh thu tại ngày lập báo cáo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không xác định thời hạn	Không khấu hao

## 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả về tiền thuê đất được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản chi phí chi phí thuê đất trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.15. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ tài chính hiện hành.

#### 2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.104.804.289	1.515.372.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.576.107.588	26.254.355.112
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	17.068.250.000
	<u>37.680.911.877</u>	<u>44.837.977.177</u>

Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 7.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 5,2%/năm.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>72.620.269.116</b>	<b>72.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	67.820.269.116	67.820.269.116	101.820.269.116	101.820.269.116
- Vốn đầu tư vào Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam (**)	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (***)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<b>92.620.269.116</b>	<b>92.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng có tổng giá trị 67.820.269.116 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 9,2%/năm.

(\*\*\*) Khoản đầu tư dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 13 tháng tới 24 tháng với tổng giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại với lãi suất 6,2%/năm đến 10,25%/năm.

(\*\*) Công ty Sojitz Logistics Corporation đang trong quá trình phê duyệt để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn và dự tính sẽ hoàn thành trong năm 2017 sau khi ký thanh lý hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư. Do vậy, tại ngày 30/06/2017, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Logistics Sojitz trên khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tương ứng 48% Vốn điều lệ), 1% vốn điều lệ của khoản đầu tư này được theo dõi trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>17.947.700.000</b>	-	<b>17.947.700.000</b>	-
- Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	17.947.700.000	-	17.947.700.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>28.576.942.740</b>	-	<b>28.576.942.740</b>	-
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	11.727.226.325	-	11.727.226.325	-
- Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam)	5.488.640.455	-	5.488.640.455	-
- Công ty TNHH Agility	8.376.012.000	-	8.376.012.000	-
- Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam)	2.985.063.960	-	2.985.063.960	-

<i>Các khoản đầu tư khác</i>	<i>30.808.434.258</i>	<i>(456.432.400)</i>	<i>30.808.434.258</i>	<i>(938.125.300)</i>
- Công ty Cổ phần Vinafreight (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương)	6.893.204.819	-	6.893.204.819	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	14.040.000.000	-	14.040.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.049.724.300	(456.432.400)	2.049.724.300	(938.125.300)
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	2.042.383.568	-	2.042.383.568	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	5.058.631.771	-	5.058.631.771	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt	624.489.800	-	624.489.800	-
- Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam (**)	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>77.333.076.998</b>	<b>(456.432.400)</b>	<b>77.333.076.998</b>	<b>(938.125.300)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	TP Hồ Chí Minh	92,51%	92,51%	Kinh doanh vận tải đa phương thức

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	TP Hồ Chí Minh	21,70%	21,70%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam)	TP Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Agility	TP Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam)	TP Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 31.

Đầu tư vào đơn vị khác Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinafreight (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương)	TP Hồ Chí Minh	10,86%	10,86%	Giao nhận vận tải quốc tế
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	TP Hà Nội	10,96%	11,08%	Giao nhận vận tải ngoại thương
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	0,01%	0,01%	Dịch vụ ngân hàng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	TP Đà Nẵng	9,67%	9,67%	Giao nhận vận tải ngoại thương
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	TP Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Vận tải hàng không
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt	TP Hồ Chí Minh	5,10%	5,10%	Dịch vụ vận tải đường bộ
Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	3.209.164.471	3.694.808.678
- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	3.191.837.187	6.691.837.187
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	2.920.338.214	2.365.488.964
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.834.739.319	14.580.991.223
	<b>23.156.079.191</b>	<b>27.333.126.052</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>4.572.545.219</b>	<b>3.884.877.861</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH SCMC	-	-	950.000.000	-
Cảng vụ thành phố HCM	2.084.393.505	-	-	-
Công ty Liên doanh tiếp vận số 1	297.207.915	-	-	-
Công ty Cổ phần CMA CGM Việt nam	2.097.904.008	-	-	-
Các hãng tàu	3.932.118.814	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	4.365.227.592	-	9.107.690.834	-
	<b>12.776.851.834</b>	<b>-</b>	<b>10.057.690.834</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>

Tại ngày 30/06/2017, các khoản cho vay Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương có tổng giá trị 39.000.000.000 VND thời hạn từ 03 đến 06 tháng. Hình thức đảm bảo là Sổ đỏ quyền sử dụng đất diện tích 894 m2 tại số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	9.203.790.320	-	4.469.042.943	-
Tạm ứng	1.648.774.943	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.215.500.000	-	1.215.500.000	-
Phải thu khác	2.687.263	-	-	-
	<b>12.070.752.526</b>	<b>-</b>	<b>5.684.542.943</b>	<b>-</b>

#### 9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép QUATRON	334.823.795	100.447.138	334.823.795	100.447.138
	<b>334.823.795</b>	<b>100.447.138</b>	<b>334.823.795</b>	<b>100.447.138</b>

#### 10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.605.142.201	-	1.785.043.398	-
	<b>2.605.142.201</b>	<b>-</b>	<b>1.785.043.398</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là các chi phí phải chi trả cho nhà cung cấp để thực hiện các hợp đồng dịch vụ vận chuyển (chủ yếu phát sinh với khách hàng Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam) nhưng chưa nghiệm thu với khách hàng tại thời điểm 30/06/2017.

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam  
Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	11.617.590.058	1.341.052.725	10.860.434.847	74.730.256	23.893.807.886
Số dư đầu kỳ	-	-	(478.481.818)	-	(478.481.818)
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối kỳ	11.617.590.058	1.341.052.725	10.381.953.029	74.730.256	23.415.326.068
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.756.588.963	492.118.752	6.386.348.873	64.522.560	12.699.579.148
- Khấu hao trong năm	144.691.230	28.996.770	482.863.546	2.579.232	659.130.778
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(294.565.380)	-	(294.565.380)
Số dư cuối năm	5.901.280.193	521.115.522	6.574.647.039	67.101.792	13.064.144.546
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.861.001.095	848.933.973	4.474.085.974	10.207.696	11.194.228.738
Tại ngày cuối kỳ	5.716.309.865	819.937.203	3.807.305.990	7.628.464	10.351.181.522

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.623.759.000	288.219.000	9.911.978.000
Số dư cuối năm	<b>9.623.759.000</b>	<b>288.219.000</b>	<b>9.911.978.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	162.304.045	162.304.045
- Khấu hao trong kỳ	-	12.804.912	12.804.912
Số dư cuối năm	-	<b>175.108.957</b>	<b>175.108.957</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	9.623.759.000	125.914.955	9.749.673.955
Tại ngày cuối kỳ	<b>9.623.759.000</b>	<b>113.110.043</b>	<b>9.736.869.043</b>

(\*) Là Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô A8, đường Trường Sơn, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đang được Công ty sử dụng làm Văn phòng làm việc.

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	176.435.187	230.715.786
	<b>176.435.187</b>	<b>230.715.786</b>



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Vận Tài Thương mại - Dịch vụ Trần Bình An	3.193.132.592	3.193.132.592	6.693.132.592	6.693.132.592
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Vận tài Trung Đạt	1.142.385.316	1.142.385.316	305.195.710	305.195.710
- Công ty TNHH Vận tài Phi Châu	2.215.408.818	2.215.408.818	1.724.760.734	1.724.760.734
- Phải trả cho các đối tượng khác	10.871.378.463	10.871.378.463	11.079.467.218	11.079.467.218
	<b>17.422.305.189</b>	<b>17.422.305.189</b>	<b>19.802.556.254</b>	<b>19.802.556.254</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	<b>862.876.200</b>	<b>862.876.200</b>	<b>1.169.653.700</b>	<b>1.169.653.700</b>

(Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh 31*)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	578.627.818	7.102.517.681	7.731.429.514	-	-	7.731.429.514	-	-	-	101.748.369	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.394.533.031	2.050.042.573	2.529.906.606	-	-	2.529.906.606	-	-	-	914.668.998	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	142.966.482	343.242.266	424.531.092	-	-	424.531.092	-	-	-	61.677.656	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.405.282.997	3.405.282.997	-	-	3.405.282.997	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-	13.000.000	-	-	-	-	-
	-	<b>2.116.127.331</b>	<b>12.914.085.517</b>	<b>14.104.150.209</b>	-	-	<b>14.104.150.209</b>	-	-	-	<b>1.078.095.023</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền thuê đất trích trước (*)	2.375.094.780	2.496.912.840
	<b><u>2.375.094.780</u></b>	<b><u>2.496.912.840</u></b>

(\*)Số dư tại 30/06/2017 bao gồm tiền thuê đất tại số 1650-1652 Phan Thê Hiên, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 121.818.606 VND và tiền thuê đất tại 102 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.253.276.720 VND

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cổ tức lợi nhuận phải trả	44.050.500	31.750.500
Phải trả về tạm ứng	66.496.150	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.864.582	1.864.582
	<b><u>114.411.232</u></b>	<b><u>33.615.082</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	734.249.600	734.249.600
	<b><u>734.249.600</u></b>	<b><u>734.249.600</u></b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND
Số dư đầu kỳ trước	255.000.000.000	136.193.960	27.049.284.048	282.185.478.008
Lãi trong kỳ trước	-	-	15.092.051.159	15.092.051.159
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>18.741.335.207</b>	<b>273.877.529.167</b>
Số dư đầu kỳ này	255.000.000.000	136.193.960	30.339.346.459	285.475.540.419
Lãi trong kỳ này	-	-	15.149.039.431	15.149.039.431
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.669.006.241)	(2.669.006.241)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>17.319.379.649</b>	<b>272.455.573.609</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 27/2017/HĐQT - VNT ngày 17/05/2017, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	26.690.062.411
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.669.006.241
Chi trả cổ tức	25.500.000.000
Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1000 VND/ Cổ phiếu	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	243.193.000.000	95,37%	243.193.000.000	95,37%
Các cổ đông khác	11.807.000.000	4,63%	11.807.000.000	4,63%
<b>Cộng</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	255.000.000.000	255.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	255.000.000.000	255.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	255.000.000.000	255.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.500.000.000	20.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	25.500.000.000	20.400.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
USD	870.695,78	704.064,16

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.209.274.250	707.885.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.636.606.284	108.044.732.434
	<b>83.845.880.534</b>	<b>108.752.618.199</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>11.946.026.618</b>	<b>7.956.070.884</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	4.195.658.208	786.142.299
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	71.317.044.778	98.654.745.153
	<b>75.512.702.986</b>	<b>99.440.887.452</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.574.161.660	4.679.061.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.658.869.138	8.693.922.612
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.000.717	138.633.322
	<b>14.235.031.515</b>	<b>13.511.617.106</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	153.814.285	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	30.242.643	53.127.628
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(481.692.900)	(37.053.300)
	<b>(297.635.972)</b>	<b>16.074.328</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.727.274	20.272.727
Chi phí nhân công	2.758.891.681	2.840.985.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.583.562	151.267.356
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	(149.921.166)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.863.747.336	2.937.656.879
	<b>5.764.949.853</b>	<b>5.800.261.177</b>

## 25. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	13.083.562	
Cho thuê xe và các dịch vụ khác	85.103.260	19.693.455
	<b>98.186.822</b>	<b>19.693.455</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.199.082.004	17.026.705.803
Các khoản điều chỉnh tăng	710.000.000	1.517.440.857
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	710.000.000	1.517.440.857
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.658.869.138)	(8.870.873.438)
- <i>Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN</i>	(7.658.869.138)	(8.870.873.438)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.250.212.866	9.673.273.222
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.050.042.573</b>	<b>1.934.654.644</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.394.533.031	1.159.962.693
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.529.906.606)	(2.184.962.693)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>914.668.998</b>	<b>909.654.644</b>

## 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.270.387	72.437.273
Chi phí nhân công	13.788.138.338	13.468.222.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	671.935.690	685.559.130
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	(186.974.466)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.828.763.428	89.254.266.995
Chi phí khác bằng tiền	1.522.985.591	2.017.986.693
	<b>77.902.093.434</b>	<b>105.311.497.945</b>

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.680.911.877	-	44.837.977.177	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.226.831.717	(234.376.657)	33.017.668.995	(234.376.657)
Các khoản cho vay	126.820.269.116	-	140.820.269.116	-
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-
Đầu tư dài hạn	30.808.434.258	(456.432.400)	30.808.434.258	(938.125.300)
<b>Cộng</b>	<b>235.336.446.968</b>	<b>(690.809.057)</b>	<b>254.284.349.546</b>	<b>(1.172.501.957)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	18.270.966.021	20.570.420.936
Chi phí phải trả	2.375.094.780	2.496.912.840
<b>Cộng</b>	<b>20.646.060.801</b>	<b>23.067.333.776</b>

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất. Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND		VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	30.352.001.858	30.352.001.858
<b>Cộng</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.352.001.858</b>	<b>35.152.001.858</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	29.870.308.958	29.870.308.958
<b>Cộng</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.870.308.958</b>	<b>34.670.308.958</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND		VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.680.911.877	-	-	37.680.911.877
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.992.455.060	-	-	34.992.455.060
Các khoản cho vay	106.820.269.116	20.000.000.000	-	126.820.269.116
<b>Cộng</b>	<b>179.493.636.053</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>199.493.636.053</b>



**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và các khoản tương đương tiền	44.837.977.177	-	-	44.837.977.177
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.783.292.338	-	-	32.783.292.338
Các khoản cho vay	140.820.269.116	-	-	140.820.269.116
<b>Cộng</b>	<b>218.441.538.631</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>218.441.538.631</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	17.536.716.421	734.249.600	18.270.966.021
Chi phí phải trả	2.375.094.780	-	2.375.094.780
<b>Cộng</b>	<b>19.911.811.201</b>	<b>734.249.600</b>	<b>20.646.060.801</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	19.836.171.336	734.249.600	20.570.420.936
Chi phí phải trả	2.496.912.840	-	2.496.912.840
<b>Cộng</b>	<b>22.333.084.176</b>	<b>734.249.600</b>	<b>23.067.333.776</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là giao nhận kho vận ngoại thương chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:


	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>Doanh thu dịch vụ vận chuyển giao nhận</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	155.400.608	17.268.415
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	38.376.365	17.290.916
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	3.675.641.873	3.248.812.793
Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết	4.886.335.671	4.589.446.185
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết	95.503.255	83.252.575
Công ty TNHH Sojitz Việt Nam	Công ty đầu tư	3.094.768.846	-
<b>Mua dịch vụ</b>			
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	2.857.108.100	1.582.391.819
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	10.000.000	-
Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết	-	28.320.080
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết	-	315.000
<b>Cổ tức đã trả</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	24.319.300.000	19.455.440.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính - Lãi cho vay</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	381.875.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	1.850.200.000	1.850.200.000
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	774.965.788	1.472.803.927
- Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt nam)	Công ty liên kết	3.921.703.350	3.661.518.685
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	2.920.338.214	2.365.488.964
- Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết	1.652.207.005	1.519.388.897
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	1.850.200.000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	862.876.200	1.169.653.700
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		567.000.000	711.480.000


### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
<b>Bảng Cân đối kế toán riêng</b>			
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10.057.690.834	11.842.734.232
- Hàng tồn kho	141	1.785.043.398	-

  
Nguyễn Thị Kim Nguyệt  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2017